

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **40/2021/HNGĐ-ST**.

Ngày: 10/11/2021

V/v *“Xin ly hôn và nuôi con chung”*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thanh Điền**

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Dương Tấn Đầu**

2. Ông **Nguyễn Phước Lộc**

Nơi công tác: Trung tâm dân số kế hoạch hóa gia đình thành phố Phú Quốc.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Đặng Đình Toàn**- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Bà **Cao Thị Nhung**
– Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ, ngày 15/4/2021 về việc: *“Xin ly hôn và nuôi con chung”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/10/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 75/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 25/10/2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Lê Ngọc L**, sinh năm 1967 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

* **Bị đơn:** Ông **Ngô Phú Đ**, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số 317 NTT, kp 5 , phường DĐ , thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* **Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và phiên hòa giải nguyên đơn bà Lê Ngọc L trình bày:**

Vào năm 2000, bà Lê Ngọc L và ông Ngô Phú Đ tự tìm hiểu yêu thương nhau chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn CD, huyện CP, tỉnh AG vào ngày 03/9/2002.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung Ngô Thị Trúc X, sinh ngày 28/01/2001 và Ngô Phú Q sinh ngày 31/01/2008.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng khoảng 06 tháng gần đây tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay cãi nhau, vì ông Đ gây nợ nần và có quen biết với người phụ nữ khác bên ngoài nên tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có hạnh phúc, không những vậy ông Đ còn hành hung đánh đập bà L, vì nghĩ đến hạnh phúc gia đình và các con từ đó bà L đã khuyên nhủ ông Đ nhiều lần nhưng ông Đ không thay đổi từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng hơn. Hiện nay bà L và ông Đ không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và đã sống ly thân.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Lyêu cầu Tòa án giải quyết:

- **Về hôn nhân:** Yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Phú Đ

- **Về con chung:** Quá trình chung sống vợ chồng có 02 người con chung Ngô Thị Trúc X, sinh ngày 28/01/2001 và Ngô Phú Q , sinh ngày 31/01/2008. Cháu X đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu Q có nguyện vọng sống với ai thì người đó có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), nếu cháu Q có nguyện vọng sống với bà Lợi, thì bà Lợi đồng ý và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Về công nợ chung:** Cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*** Con chung cháu Ngô Phú Q có đơn xin giải quyết vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 28/4/2021 cháu Q trình bày:** Cháu là con ruột của cha là Ngô Phú Đ và mẹ là Lê Ngọc L . Cháu hiện đang nghỉ học để chuyển trường mới. Khi vụ án được Tòa án giải quyết thì cháu Q có nguyện vọng ở với mẹ là bà Lê Ngọc L .

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần ông Ngô Phú Đ nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến ông Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố PQ có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định pháp luật, tổng đạt các văn bản cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn.

Về thụ lý vụ án: Đương sự nộp tiền tạm ứng án phí ngày 08/4/2021 đến ngày 15/4/2021 Tòa án mới ra Thông báo thụ lý vụ án để giải quyết là vi phạm khoản 3 Điều 195 BLTTDS quy định.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án thụ lý vụ án ngày 15/4/2021 đến ngày 07/10/2021 mới ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là trên 04 tháng vi phạm Điều 203 BLTTDS.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với bị đơn ông Ngô Phú Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt ông Ngô Phú Đ

Đối với nguyên đơn bà Lê Ngọc L và con chung cháu Ngô Phú Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà L và bà cháu Quý.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Ngọc L .

- **Về con chung:** Vợ chồng bà Lợi, ông Đ có 02 người con chung Ngô Thị Trúc X , sinh ngày 28/01/2001 và Ngô Phú Q , sinh ngày 31/01/2008. Cháu X đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu Q có nguyện vọng sống với bà L nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Q cho bà L chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng cháu Q muốn sống chung với bà L

- **Về cấp dưỡng nuôi con chung:** Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị HĐXX miễn xét.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- **Về công nợ chung:** Bà L cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Lê Ngọc L và con chung cháu Ngô Phú Q có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015 nên HĐXX xét xử vắng mặt bà L và cháu Q là phù hợp theo quy định.

Đối với bị đơn ông Ngô Phú Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Đ

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn bà Lê Ngọc L khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung. Quy định pháp luật để giải quyết vụ án này là Điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại văn bản lời khai và các chứng cứ thể hiện trong hồ sơ vụ án thể hiện thời gian ban đầu tình cảm giữa bà L và ông Đ chung sống vui vẻ, hạnh phúc nhưng thời gian gần đây tình cảm vợ chồng anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Vì nghĩ đến tương lai hạnh phúc gia đình bà L đã cố gắng khuyên nhủ, hàn gắn tình cảm nhiều lần nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn tình cảm giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Qua xác minh những hộ dân lân cận tòa án thu được kết quả:

Cuộc sống hôn nhân của bà L và ông Đ thường xuyên xảy ra cãi vã lớn tiếng, mâu thuẫn với nhau không có hạnh phúc, ông Đ thường xuyên uống rượu về đánh đập bà L nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, Tòa án đã nhiều lần động viên bà L trở về đoàn tụ, tiếp tục cuộc sống hôn nhân với ông Đ nhưng bà L kiên quyết ly hôn với ông Đ do tình cảm của bà đối với ông Đ không còn. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc L về việc xin ly hôn cùng ông Ngô Phú Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà Lợi, ông Đ có 02 người con chung Ngô Thị Trúc X, sinh ngày 28/01/2001 và Ngô Phú Q, sinh ngày 31/01/2008. Cháu X

đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, còn cháu Q có nguyện vọng sống với bà L nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Q cho bà L chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành phù hợp với nguyện vọng cháu Q muốn sống chung với mẹ tức bà L.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX miễn xét.

[5] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về công nợ chung: Bà L cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Bà Lê Ngọc L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc L được ly hôn với ông Ngô Phú Đ.

2. Về con chung: Cháu Ngô Thị Trúc X, sinh ngày 28/01/2001 đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Giao cháu Q cho bà L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) phù hợp với nguyện vọng cháu Q muốn sống chung với bà L

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX miễn xét.

4. Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

5. **Về công nợ chung:** Bà L cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

6. **Về án phí:** Bà Lê Ngọc L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà L đã nộp theo biên lai thu số 0004047, ngày 08/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PQ (Nay là Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ). Bà L đã nộp xong.

Ông Ngô Phú Đ không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh KG;
- VKSND thành phố PQ;
- Chi cục THA dân sự thành phố PQ;
- Ủy ban nhân dân thị trấn CD,
huyện Châu Phú, tỉnh AG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Thanh Điền